TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:43/2019/HS-ST
Ngày02 - 10- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Bùi Thị Tố Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Chương

2. Bà Đỗ Thị Kim Chinh

- Thư ký phiên tòa:Bà Ngô Thị Mây-Thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:Bà Phạm Thị Quỳnh Loan- Kiểm sát viên.

Ngày02 tháng10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khaivụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:38/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:41/2019/QĐXXST-HS ngày19 tháng 9 năm 2019 đốivới bị cáo:

Trần Văn H, sinh ngày 30- 8-1993,tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Khu 3, phường Q, thị xã Q, tỉnhQuảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1và bà Hoàng Thị H1; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/11/2015, H bị Công an thành phố Uông Bí xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khoẻ người khác với mức phạt là 2.500.000 đồng, bị cáo chưa nộp phạt nhưng thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính đến lần phạm tội này đã quá 06 tháng mà không tái phạm;Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

- Bị hại: Ông Trần Văn H1, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Khu 3, phường Q, thị xã Q, tỉnhQuảng Ninh. *(Vắng mặt, cóđơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H2, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Khu 3, phường Q, thị xã Q, tỉnhQuảng Ninh.*(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 7 giờ ngày 04/6/2019, Trần Văn H đi vào phòng ngủ của bố H là ông Trần Văn H1 tại khu 3, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, nhìn thấy trên đầu giường ngủ của ông H1 có 01 quyển sổ tay nhỏ, bìa màu đen, có gối đè lên trên, bên trong có kẹp tiền hở ra bên ngoài, H liền mở ra xem thì thấy có mấy tờ tiền đô la Mỹ (không rõ bao nhiêu tờ). Biết đây là tài sản riêng của ông H1 nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H rút 01 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Mỹ, rồi đem tờ tiền này đến cửa hàng vàng bạcThuận Nhung tại khu 9, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh bán được 2.330.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết số tiền trên. Cùng ngày, ông H1 trở về nhà phát hiện mất số tiền 100 đô la Mỹ. Đến 16 giờ cùng ngày, H trở về nhà thì gặp ông H1, ông H1 hỏi H có lấy tiền của ông H1 không thì H không thừa nhận và cãi nhau với ông H1 rồi bỏ đi. Ngày 05/6/2019, H trở về nhà và thừa nhận với ông H1 về việc H đã trộm cắp 100 đôla Mỹ của ông H1. Đến ngày 6/6/2019 ông H1đã đến Công an phường Q trình báo và yêu cầu xử lý nghiêm đối với H.

Ngày 06/6/2019, Trần Văn H ra đầu thú.

Tại cơ quan điều tra, H đã khai nhận toàn bộ hành vi lấy 100 đô la Mỹ củaông H1 vào khoảng 7 giờ ngày 04/6/2019 nhưđã nêu trên. Khi H trộm cắp tờ tiền 100 đô la Mỹ củaông H1 thì chỉ có một mình Hở nhà, không ai tham gia cùng H thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên. Sau khi lấy trộm, Hđãđem tờ tiền này đến cửa hàng vàng bạcThuận Nhung tại khu 9, phường Q, thị xã Q bán được 2.330.000 đồng, sau đó tiêu sài cá nhân và mua lô đề của một người không quen biết tại khu vực cộng đồng thuộc khu 1, phường Q hết số tiền trên nhưng không trúng thưởng. Sau đó, H đã đi làm và đưa cho bà Hoàng Thị H1 số tiền 2.330.000 đồng để nhờ bà H1 trả lại cho ông H1.

Bị hại là ông Trần Văn H1 khai: Con trai ông là Trần Văn H thường xuyên sử dụng ma tuý, không chịu lao động kiếm tiền mà thường xuyên trộm cắp tiền của vợ chồng ông. Trước đây mẹ ông là cụ Trần Thị Đào xây 01 ngôi mộ sẵn cho cụ tại nghĩa trang Chùa Bằng. Năm 2018 cụ Đào mất, chôn cất ở chỗ khác tại khu Chùa Bằng nên dư ngôi một trên. Năm 2019 chị Ngô Thị Hoa hàng xóm chết, gia đình chị Hoa mua lại phần mộ chưa sử dụng của mẹông nên ông đã bán lại ngôi mộ trên cho chị Hoa với giá 10.000.000 đồng. Vào chiều ngày 03/6/2019, ông mang 10.000.000 đồng ra hiệu vàng Kim Liên ở Phố Lê Lợi, phường Q, thị xã Q đổi được 400 đô la Mỹ (2.340.000 đồng/1đôla) mục đích để trảnợ tiền vay lo mồ mả cho cụ Đào cho anh Thắng ở khu 3 phường Q, còn dư 640.000 đồng. Đây là số tiền của riêng ông, không liên quan đến bà H1. Đến sáng ngày 4/6/2019, ông đi tắm, sợ bị ướt tiền nên ông đã để 04 tờ mỗi tờ mệnh giá 100 đôla Mỹ trong quyển sổ màu đen ở đầu giường dưới lớp chăn chiếu phủ lên. Tắm xong, ông đi ăn sáng, khi đó chỉ có H ở nhà nên ông không khoá cửa phòng ngủ. Sau khi ông đi ăn sáng về thì ông gặp H đi từ trong nhà ra, ông vào phòng ngủ kiểm tra thì phát hiện trong quyển

số màu đen chỉ còn lại 03 tờ tiền mỗi tờ 100 đô la Mỹ, mất 01 tờ tiền 100 đôla Mỹ. Đến 16 giờ ngày 05/6/2019, H trở về nhà, ông hỏi H có lấy tiền của ông không thì H không thừa nhận, còn chửi ông rồi bỏđi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày H trở về nhà và thừa nhận việc Hđã trộm cắp 100 đôla Mỹ của ông. Hai bố con lời qua tiếng lại, sau đó H có hành vi phá cửa chính, phá với giường và bàn gỗ của gia đình ông. Đến 9 giờ 10 phút ngày 6/6/2019, H tiếp tục đập phá tài sản của gia đình ông. Do sợ hãi nên ông đã đến Công an trình báovà yêu cầu xử lý hành vi trộm cắp tài sản và hành vi đập phá tài sản của H để răn đe, giáo dục, nhưng ông không rõ thiệt hại tài sản là bao nhiêu

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H1 khai: Bà là vợ của ông Trần Văn H1 và là mẹ đẻ của Trần Văn H. Ngày 04/6/2019, bà không có mặt ở nhà nên bà không chứng kiến việc H trộm cắp tiền của ông H1. Khoảng 8 giờ sáng ngày 04/6/2019 bà vừa về nhà thì ông H1 có nói với bà là ông H1 bị mất 01 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Mỹ và hỏi bà có lấy thì phải trả lại ngay cho ông H1, nhưng bà không biết sự việc trên. Số tiền 100 đô la Mỹ mà H trộm cắp củaông H1 là tài sản thuộc sở hữu riêng củaông H1, bà không biết và không liên quan gì đến số tiền trên. Bà không biết trướcđây Hđã từng trộm cắp tài sản củaông H1 hay của ai khác không. Bà cũng không biết H có sử dụng hay nghiện chất ma tuý hay không. Số tiền trộm cắp H sử dụng vào việc gì bà không biết. Khoảng 01 tháng sau khi xảy ra sự việc, H đã đưa tiền số tiền đã chiếmđoạt cho bà để bồi thường cho ông Trần Văn H1. Bà đã nhận số tiền trên và trả lại cho ông H1.

Ngày 6/6/2019, Cơ quan Cảnh sátđiều tra Công an thị xã Q đã thu giữ và trích xuất dữ liệu camera an ninh tạiCửa hàng vàng bạcThuận Nhung ghi lại hình ảnh Trần Văn H mang tờ tiềnđô la Mỹđi bán tạiCửa hàng vàng bạcThuận Nhung vào ngày 04/6/2019.

Tại Văn bản ngày 6/6/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Q đã cung cấp thông tin về tỷ giáđô la Mỹ giao dịch ngày 04/6/2019 như sau: Giá mua vào là 23.330 đồng/1USD, giá bán ra là 23.445 đồng/1USD.

Tại Bản cáo trạng số38/CT-VKSQY ngày23 tháng8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninhđã truy tốTrần Văn H về tội*"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sátnhân dân thị xã Q giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tốTrần Văn Hvềtội*"Trộm cắp tài sản"* ; Đề nghị Hội đồng xét xửáp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-05-2018 của Hội đồng Thẩm phán Toàán nhân dân Tối cao hướng dẫnáp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, xử phạt: Bị cáo Trần Văn H từ 6

tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo , thời gian thử thách từ 12 tháng đến18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh nơi b ị cáo cư trú giám sát , giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách . Trường hợp bị cáo hưởngán treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hànhán hình sự; Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có việc làm và thu nhậpổnđịnh nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo; Áp dụngđiểm a khoản 1 Điều 46,Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Bị cáo H pH1 bồi thường cho ông Trần Văn H1 số tiền 2.330.000 đồng.

- Bị cáoTrần Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắptờ mệnh giá 100 đô la Mỹ củaông Trần Văn H1 vào ngày 04/6/2019, thừa nhận Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi phạm tội, bị cáođãđưa cho bà H1 số tiền 2.330.000 đồng để trả lại cho ông H1 nhưng không biết bà H1đã trả lại cho ông H1 hay chưa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H1 thừa nhậnđã nhận của bị cáoH đủ số tiền 2.330.000 đồng nhưng chưatrả lại cho ông Trần Văn H1 số tiền trên và đồngý trả lại bị cáo H số tiền trên đểHbồi thường cho ông H1.

Bị cáoTrần Văn Hkhông tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi vàtranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp các hành vi, quyết định tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quankhông có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáoTrần Văn H tại phiên toàphù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại làông Trần Văn H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H1; lời khai của chị Vũ Thị Tình - Nhân viên cửa hàng vàng bạc Thuận Nhung, lời khai của bàĐinh Thị Nhung - Chủ cửa hàng vàng bạc Thuận Nhung; Bảnảnh hiện trường; bảnảnh trích xuấtđoạn video hình ảnh từ hệ thống

camera tại cửa hàng vàng bạc Thuận Nhung vàvăn bản ngày 6/6/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Q.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 7 giờ ngày 04/6/2019, tại nhà ông Trần Văn H1ở khu 3, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Trần Văn Hđã có hành vi trộm cắp 01 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Mỹ củaông H1, sau đóđem đến Cửa hàng vàng bạc Thuận Nhung tại khu 9, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh bán được 2.330.000 đồngvàtiêu sài cá nhân hết.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáoH là nguy hiểm cho xã hội, không nhữngđã trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của công dân, mà còn gây mất trật tự tạiđịa phương, đồng thời còn tạo ra tâm lý hoang mang, lo lắng cho cá nhân trong việc bảo vệ tài sản của mình.

Bị cáolà người đã thành niên, đangở độ tuổi lao động, có đầyđủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng chỉ vìkhông có tiền tiêu sài, bị cáođã bất chấp pháp luật, lợi dụng sơ hở củaông H1 trong việcquản lý tài sản, lén lúttrộm cắp01 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Mỹ củaông H1.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáoH ra trước Toà án để xét xử về tội *"Trộm cắp tài sản"*theoquy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Việcđưa bị cáoH ra xét xử công khai vàáp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là cần thiết, phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã ra đầu thú; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên bị cáo H được hưởng tình các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q đối với bị cáo H là có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Ngày 20/11/2015, Hbị Công an thành phố Uông Bí xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khoẻ người khác với mức phạt là 2.500.000 đồng.Bị cáo chưa nộp phạt, chưa bị cưỡng chế chấp hành hình phạt, thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã hết, thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính đến ngày phạm tội lần nàyđã quá 06 tháng. Theo quy định tạiĐiều 7, Điều 73 và khoản 1 Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính H được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Xét thấy, bị cáo H phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo được hưởng nhiều tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tạiĐiều 2 Nghị quyết số02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-05-2018 của Hội đồng Thẩm phán Toàán nhân dân Tối cao hướng dẫnáp dụngĐiều 65 của Bộ luật hình sự vềán treo, Toà án có cơ sở chấp nhận đề nghị củađại diện Viện kiểm sát, không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà xử phạt bị cáo một mức án nhất định tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và áp dụng thời gian thử thách hợp lý cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sựquy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Do đó, bị cáo Hcó thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, hiện nay bị cáođang là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Nên Toàáncó căn cứ chấp nhận đề nghị củađại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáoH.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị cáoTrần Văn H và bà Hoàng Thị H1 khai: Sau khi phạm tội, bị cáoH đã đưa số tiền 2.330.000 đồng tương đương vớisố tiền100 đôla Mỹ cho bà H1 và bà H1đã trả lại toàn bộ số tiền trên cho ông Trần Văn H1. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bị cáo và bà H1 ra thì bị cáo H và bà H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việcbà H1 đã trả số tiền 100 đô la Mỹ cho ông H1. Trong khi đó, tại văn bản ngày 9/9/2019,ông H1 khẳngđịnh bịcáo chưa trả lạiông số tiền trên, nay ông yêu cầu bị cáo pH1 hoàn trả lại cho ông số tiềnđã trộm cắp.

Tại phiên toà, bà Hoàng Thị H1 thừa nhậnbàđã nhận của H số tiền2.330.000 đồng tương đương với 100 đôla Mỹ nhưng bà chưa trả lạicho ông H1. Bị cáo H và bà H1 thống nhất bà H1 có nghĩa vụtrả lại H số tiền trên để H trả lại cho ông H1.

Xét thấy: Việcbị cáo H chiếmđoạt số tiền 100 đô la Mỹ tương đương với số tiền 2.330.000 đồng củaông H1 không có căn cứ pháp luật, nên bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông H1 số tiền trên theo quy định tạiđiểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, ông H1 còn tố cáo bị cáo H về hành vi đập phá tài sản của gia đình ông H1 như giường, tủ, bàn ghế. Nhưng ông H1 không xácđịnh được thiệt hại, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh thiệt hại về tài sản do H gây ra và cũng không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường thiệt hại. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

[6] Về biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với bị cáo:

Xét thấy, bị cáo Trần Văn H bị xử phạt tù cho hưởng án treo và việc áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không còn cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự huỷ bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 22 ngày 26-8-2019 của Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo Trần Văn H.

[7]Đối với việc cửa hàng vàng bạc Thuận Nhung: Nhân viên cửa hàng là chị Vũ Thị Tình đã mua tờ mệnh giá 100 đô la Mỹ của H nhưng không biếtđó là tiền do H trộm cắp mà có, Cửa hàng vàng bạc Thuận Nhung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp giấy phépđăng kýđại lý chi, trả ngoại tệ. Do đó, Cơ quan Cảnh sátđiều tra Công an thị xã Q, Viện kiểm sátnhậnđịnh chị Tình và Chủ cơ sở kinh doanh vàng bạc Thuận Nhung không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tạiĐiều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]Đối với việc Trần Văn Hkhai dùng tiền trộm cắp mua số lô, Cơ quan Cảnh sátđiều tra Công an thị xã Qđã rà soát, xác minh không xácđịnh được đối tượng ghi số lô đề tại khu vực ngã ba cộng đồng, khu 1, phường Q, thị xã Q nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9] Hồ sơ vụ án thể hiện có 01 chiếc USB màu đỏ đen nhãn hiệu "San Dish" dung lượng 8GB, đã qua sử dụng, bên trong lưu giữ đoạn video hình ảnh thể hiện việc Trần Văn H đến bán cho nhân viên Cửa hàng vàng bạc Thuận Nhung tờ tiền mệnh giá 100 đôla Mỹ vào khoảng 8 giờ ngày 4/6/2019. Đây là tài liệu chứngminh hành vi phạm tội của bị cáo H, gắn liền với hồ sơ vụán. Vì vậy, cần lưu giữ chiếcUSB nêu trên trong hồ sơ vụán.

[10] Về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm:

Căn cứ vàokhoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn H pH1 chịu 200.000đồng*(Hai trăm nghìn đồng)*tiền án phí hình sự sơ thẩm và300.000 đồng*(Ba trăm nghìn đồng)*án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là500.000 đồng*(Năm trăm nghìn đồng)*án phí.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáoTrần Văn H, bị hạiTrần Văn H1 và bà Hoàng Thị H1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy địnhtạikhoản 1, khoản 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:Bị cáoTrần Văn Hphạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 vàkhoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-05-2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H9 *(chín)* tháng tù cho hưởng án treo , thời gian thử thách là 18*(mười tám)* tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh nơi bị cáo H cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH1 chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Căn cứ vào điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Huỷ bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 22/LCCT-TA-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo Trần Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Bị cáo Trần Văn H pH1 bồi thường cho ông Trần Văn H1 số tiền 100 đô la Mỹ tương đương với số tiền 2.330.000 đồng*(Hai triệu, ba trăm, ba mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày bảnán có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyếtđịnh thi hành án) hoặc kể từ ngày cóđơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH1 trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH1 thi hànhán còn pH1 chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH1 thi hành án theo mức lãi suất quy định tạiĐiều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sựthì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Lưu trữ trong hồ sơ vụán01 chiếc USB màu đỏ đen, nhãn hiệu "San Dish" dung lượng 8GB, đã qua sử dụng.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố

tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a ,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:Bị cáo Trần Văn H pH1 chịu 200.000đồng*(Hai trăm nghìn đồng)*án phí hình sự sơ thẩm và300.000 đồng*(Ba trăm nghìn đồng)*án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000 đồng*(Năm trăm nghìn đồng)*án phí.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Trần Văn H,bà Hoàng Thị H1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án.Bị hại là ông Trần Văn H1có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày,kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *VKSND thị xã Q;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Cơ quan CSĐTCATX Q;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS TX Q;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nga